

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Thìn.
2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát V.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Duy V, sinh ngày 15/7/1986; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Tấn S và bà Nguyễn Thị H (chết); có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Tấn T, sinh ngày 30/9/1982; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Tấn X và bà Phạm Thị H; có vợ là Lê Thị Thanh N, sinh năm 1984 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khí công nghiệp Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ); trụ sở: Cụm Công nghiệp N, thôn K, xã Ng, huyện T, Thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khí công nghiệp T (sau đây viết tắt là Công ty T), trụ sở: Lô L4 Phân khu Công nghiệp S, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phú V, sinh năm 1981, địa chỉ: Xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/01/2020, Lê Tấn T điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-112.XX cùng với Lê Duy V (T và V đều là nhân V giao hàng của Công ty T) đi giao bình khí công nghiệp cho các nhà thầu ở công trường Nhà máy thép Hòa Phát - Dung Quất thuộc thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng đã ký kết giữa Công ty T và Công ty Đ. Sau khi giao hàng, T và V thu hồi lại được 43 bình khí đã sử dụng hết; đến khoảng 09 giờ cùng ngày, trên đường chở số bình khí nêu trên thì V thấy trong nhà kho của nhà thầu Cụ Lực trong công trường nhà máy thép Hòa Phát - Dung Quất có 06 (sáu) bình khí công nghiệp của Công ty Đ không có người trông coi nên rủ T lấy trộm số bình nêu trên để bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý, V xuống nhặt hòn đá đập vào ổ khóa nhà kho nhưng không được nên dùng nắp chụp bình khí bằng kim loại nhặt được ở gần cửa kho tiếp tục đập ổ khóa, sau đó T đập ổ khóa bung ra rồi cả hai cùng đưa 06 bình khí công nghiệp lên xe tải thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm 06 (sáu) bình chứa khí công nghiệp loại 40 lít, chiều cao 1,4m, đường kính 22 cm, vỏ bằng kim loại được sơn màu xanh, bao gồm: 02 bình chứa khí CO₂ mã số 234644 và mã số 233795, 02 bình chứa khí O₂ mã số 227307, mã số G610112 (chưa sử dụng); 01 bình chứa khí O₂ mã số G612106 và 01 bình chứa khí CO₂ mã số 227193 (đã sử dụng hết); 01 nắp đáy bình khí bằng kim loại màu xanh.

Ngày 16/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn đã định giá và kết luận 06 bình khí công nghiệp nêu trên trị giá 5.090.000 đồng (năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS, ngày 10/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Lê Duy V, Lê Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 09 đến 12 tháng tù, bị cáo T từ 06 đến 09 tháng nhưng cho các bị cáo hưởng án treo; về dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là 01 (một) nắp đáy bình khí bằng kim loại màu xanh.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất; đại diện hợp pháp của bị hại không có tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra V, Viện kiểm sát, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Duy V, Lê Tấn T khai nhận hành vi phạm tội như mô tả trong cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 13/01/2020, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 06 (sáu) bình chứa khí công nghiệp của Công ty Đ, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.090.000 đồng (năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó vai trò của bị cáo V là người khởi xướng việc phạm tội và cùng với bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, do đó mức độ tham gia, hành vi phạm tội của bị cáo V có tính nguy hiểm cao hơn so với bị cáo T nên cần có sự phân hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định tại mục [4] nêu trên, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo và không thuộc một trong các trường hợp không cho hưởng án theo quy định tại các Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mà chỉ cần cho các bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho

xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[6] Về vật chứng:

[6.1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã trả lại cho Công ty T xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-112.XX và 43 (bốn mươi ba) bình khí công nghiệp; trả lại 06 (sáu) bình khí công nghiệp bị chiếm đoạt cho Công ty Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6.2] 01 (một) nắp đậy bình khí bằng kim loại màu xanh là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là Công ty Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác về phần dân sự; ổ khóa (bị các bị cáo đập để mở cửa nhà kho) thuộc sở hữu của Bà Phạm Thị Th, trong quá trình điều tra bà Th trình bày ổ khóa không bị hư hỏng, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và đề nghị về dân sự, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Duy V, Lê Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 58, 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Duy V 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Giao các bị cáo Lê Duy V, Lê Tấn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nắp đầy bình khí bằng kim loại màu xanh (theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Lê Duy V, Lê Tấn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT và Bộ phận HSNV
Công an huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

